

Số: /ĐA-SNNMT

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2026

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Vụ Đông là vụ sản xuất hàng hóa, đa dạng về chủng loại sản phẩm. Trong đó, nhiều sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao góp phần quan trọng để nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tuy nhiên, sản xuất vụ Đông 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất thuận; đầu vụ gieo trồng chịu tác động trực tiếp bởi cơn bão số 10 (27-29/9), gây mưa lớn diện rộng từ ngày 27-29/9/2025 đã ảnh hưởng đến sản xuất, sinh trưởng, phát triển đến cây trồng và gây thiệt hại trên 8.300 ha diện tích rau màu các loại.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự cố gắng nỗ lực của người dân trong việc khắc phục thiên tai, đầu tư sản xuất nên vụ Đông năm 2025 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Sản lượng các cây trồng đạt 329.003,13 tấn/KH 384.228 tấn, đạt 85,63 %.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện ứng phó với mưa to, bão số 10; Thành lập các đoàn chỉ đạo sản xuất, kiểm tra, ứng phó và khắc phục mưa lụt; đã ban hành các công văn về chỉ đạo sản xuất ứng phó với mưa lớn.

- Lãnh đạo Tỉnh, các ban ngành của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra tình hình mưa lớn, chỉ đạo tiêu thoát nước để khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

- Các địa phương đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất và trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo ứng phó với mưa to, kịp thời khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (*chi tiết tại phụ lục 01*)

Toàn tỉnh đã gieo trồng và diện tích cho thu hoạch các cây trồng vụ Đông là 29.522,78 ha/KH 33.626 ha, đạt 87,80 %. Sản lượng các cây trồng đạt 329.003,13 tấn/KH 384.228 tấn, đạt 85,63 %. Cụ thể như sau:

- Cây Ngô: Tổng diện tích cho thu hoạch 15.133,8 ha/KH 19.000 ha (đạt 79,65 %). Trong đó: Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt 14.064,21 ha/KH 15.500 ha (đạt 90,74 %); năng suất 53,91 tạ/ha/KH 49,0 tạ/ha (đạt 110,02%); sản lượng 75.825,13 tấn/KH 75.950 tấn (đạt 99,84 %). Diện tích thu hoạch ngô sinh khối 1.464,86 ha/KH 3.500 ha (đạt 41,85 %); năng suất 402,55 tạ/ha/KH 350 tạ/ha (đạt 115,01 %); sản lượng 58.968,67 tấn/KH 122.500 tấn (đạt 48,14 %).

- Cây Lạc: Diện tích thu hoạch 1.069,59 ha/KH 1.050 ha (đạt 101,87 %); năng suất 28,85 tạ/ha/KH 26,5 tạ/ha (đạt 108,87 %); sản lượng 3.085,7 tấn/KH 2.783 tấn (đạt 110,88 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích thu hoạch 11.958,76 ha/KH 12.150 ha (đạt 98,43 %); năng suất 149,53 tạ/ha/KH 140,0 tạ/ha (đạt 106,81 %); sản lượng 178.820,15 tấn/KH 170.100 tấn (đạt 105,13 %).

- Cây Khoai lang: Diện tích thu hoạch 1.251,77 ha/KH 1.250 ha (đạt 100,14 %); năng suất 79,32 tạ/ha/KH 75 tạ/ha (đạt 105,76 %); sản lượng 9.928,63 tấn/KH 9.375 tấn (105,91 %);

- Cây Khoai tây: Diện tích thu hoạch 107,66 ha/KH 176 ha (đạt 61,52 %); năng suất 220,59 tạ/ha/KH 200,0 tạ/ha (đạt 110,30 %); sản lượng 2.374,85 tấn/KH 3.520 tấn (đạt 67,47 %).

- Diện tích ngô, rau, khoai lang trên đất lúa 2.069,6 ha/KH 2.950 ha, đạt 70,16 %.

2.3. Kết quả ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất

- Diện tích rau, quả các loại vụ Đông được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương còn hiệu lực là 592,7 ha; diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ và phù hợp định hướng hữu cơ là 68,8 ha.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 10,65 ha với các loại cây có giá trị cao như rau củ các loại, dưa chuột, dưa lưới, nho, ...

2.4. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Diện tích các cây trồng vụ Đông năm 2025 được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm là 1.975 ha (*đạt 6,69 % tổng diện tích sản xuất*) với các cây trồng như ngô sinh khối, khoai tây, bí xanh và rau củ quả các loại, ...

2.5. Kết quả quản lý vật tư nông nghiệp

Đã tổ chức 03 cuộc kiểm tra về vật tư nông nghiệp trong quý IV năm 2025: Kết quả, đã kiểm tra được 46 cơ sở buôn bán vật tư nông nghiệp; trong đó có 06 cơ sở

vi phạm và đã bị xử lý với số tiền xử phạt là 51.750.000 đồng. Kết quả, công tác kiểm tra đã góp phần ngăn chặn kịp thời các loại vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng lưu thông trên thị trường.

2.6. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách trong vụ Đông năm 2025

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Đông như sau:

a) Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh:

Hiện nay UBND tỉnh đã phân bổ trên 922 tỷ đồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do bão lụt, lốc sét theo Nghị quyết 16/2025/NQ-HĐND do bão số 10 gây ra, góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

b) Hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp xã

Ngoài kinh phí hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh, xã Vân Tụ đã trích ngân sách xã hỗ trợ nông dân sản xuất cây vụ đông trên đất 2 lúa với số tiền 19,3062 triệu đồng.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông 2025 còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Diện tích các cây trồng như ngô, rau các loại, khoai tây và diện tích các cây trồng trên đất lúa; sản lượng ngô, khoai tây không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Diện tích ngô, rau màu bị thiệt hại trên 8.300 ha, trong đó: diện tích thiệt hại >70% là 7.376 ha, diện tích thiệt hại từ 30-70% là 929 ha. Người dân phải tiến hành gieo trồng lại, làm tăng chi phí đầu tư.

- Diện tích các cây trồng vụ Đông được liên kết, bao tiêu sản phẩm còn ít (chỉ đạt 6,69 % tổng diện tích sản xuất). Đầu ra một số sản phẩm cây vụ đông bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái.

- Cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt vụ Đông còn hạn chế nhất là sản xuất trên đất lúa và khâu thu hoạch, bảo quản chế biến sau thu hoạch.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Đầu vụ chịu tác động trực tiếp bởi cơn bão số 10 (27-29/9), gây mưa lớn diện rộng từ ngày 27-29/9/2025 với lượng mưa phổ biến 200 - 450mm, có nơi trên 500 mm đã làm ngập úng gây hư hỏng, thiệt hại một số diện tích các cây màu vụ Đông, người dân phải tiến hành gieo lại. Mặt khác, do mưa lụt đầu vụ liên tục, đất sản xuất bị ngập úng nên không kịp thời vụ gieo trồng. Do vậy, diện tích, sản lượng một số cây trồng không đạt kế hoạch đề ra.

+ Chi phí vật tư nông nghiệp đầu vào ở mức cao, trong khi giá nông sản không ổn định đã ảnh hưởng đến tái đầu tư thâm canh của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Vụ Đông 2025 là vụ sản xuất trong thời gian đầu vận hành theo chính quyền cấp xã mới nên việc tiếp cận địa bàn còn hạn chế dẫn đến công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn gặp khó khăn và thiếu thường xuyên, quyết liệt; một số nơi còn chưa coi trọng sản xuất vụ đông nên chưa có các cơ chế chính sách khuyến khích sản xuất đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

+ Sản xuất vụ Đông thường chịu nhiều rủi ro (*do ảnh hưởng của mưa bão, chi phí sản xuất cao, giá cả thiếu ổn định,...*) nên người dân có tư tưởng ngại đầu tư, chưa chú trọng sản xuất. Do đó, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch.

+ Nhân lực cho sản xuất vụ Đông thiếu do nguồn nhân lực lao động nông nghiệp ngày càng già hóa, một số chuyển sang các công việc khác có thu nhập ổn định hơn. Do đó, đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch diện tích.

+ Diện tích vụ Đông chủ yếu là cây ngô và cây rau chiếm đa số. Trong đó, cây ngô được trồng chủ yếu lấy hạt phục vụ chăn nuôi, cây rau diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ theo hộ gia đình, chưa hình thành được nhiều các mô hình kết nối các thành viên thành các tổ hợp tác, HTX nên khó khăn cho việc thực hiện liên kết sản xuất; Bên cạnh đó, vai trò của các HTX chưa phát huy tối đa hiệu quả trong việc chủ động kết nối tiêu thụ dẫn đến diện tích được liên kết bao tiêu sản phẩm còn ít.

+ Công tác đánh giá dự báo về nhu cầu thị trường trong sản xuất còn hạn chế nên xảy ra tình trạng cung vượt cầu một số thời điểm đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất và tâm lý đầu tư của bà con nông dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2026

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG NĂM 2026

1.1. Nhận định về khí tượng thủy văn

Theo Dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nghệ An tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2026 như sau:

* *Hiện tượng ENSO*: Hiện tượng ENSO duy trì trong trạng thái El Niño và cường độ có xu hướng tiếp tục tăng dần từ tháng 8-9. Trong thời kỳ từ tháng 10-12/2026, hiện tượng ENSO tiếp tục duy trì trạng thái El Niño với cường độ mạnh, đặc biệt xác suất xảy ra El Niño rất mạnh tăng lên mức 63% vào thời kỳ tháng 11/2026-01/2027.

** Bão và Áp thấp nhiệt đới:*

Từ tháng 7-9/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN (khoảng 4-5 cơn) và ảnh hưởng đến đất liền tỉnh Nghệ An khoảng 1-2 cơn.

Từ tháng 10-12/2026, bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông ở mức thấp hơn so với TBNN (4-5 cơn) và có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An khoảng 1-2 cơn.

** Nhiệt độ, nắng nóng:*

Tháng 07-09/2026: phổ biến cao hơn từ 0.5-1.0 độ C so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 10-12/2026, nhiệt độ phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 0.5-1.5 độ C.

** Lượng mưa:*

Tháng 08/2026: TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-30%.

Tháng 09-10/2026: TLM phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 5-15%.

Từ tháng 11-12/2026: TLM cao hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ.

** Đông, lốc, sét, mưa đá:* Có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

** Mưa vừa, mưa to:* Các đợt mưa vừa, mưa to có khả năng xuất hiện ở tỉnh Nghệ An trong tháng 8-10, số đợt mưa lớn ít hơn TBNN.

** Không khí lạnh:* Không khí lạnh có khả năng hoạt động muộn và kết thúc sớm hơn TBNN. Từ tháng 11/2026 KKL gia tăng về cường độ, tần suất; rét đậm, số ngày rét hại có khả năng xuất hiện ở mức thấp hơn TBNN so với cùng kỳ.

1.2. Tình hình sản xuất vụ Hè thu – Mùa năm 2026

1.2.1. Về diện tích gieo trồng

Tính đến ngày 30/7/2026, tổng diện tích các cây trồng hàng năm vụ Hè Thu - Mùa đã gieo trồng là 85.452,13 ha/KH 103.365 ha (đạt 88,68 %).

1.2.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2026 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho các cây trồng sinh trưởng, phát triển. Đầu vụ sản xuất chịu ảnh hưởng của nắng nóng trong thời gian từ 23-29/6/2026, lưu lượng nước tại các hồ đập sông suối thiếu hụt đã làm trên 1.600 ha diện tích các cây trồng bị khô hạn, thiếu nước đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển. Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo khắc phục để cấp nước cứu các cây trồng và sau đó thời tiết có mưa nên cơ bản không bị thiệt hại đến cây trồng.

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Chuột hại: diện tích nhiễm 630,2 ha, trong đó nhiễm nặng 58,7 ha; Sâu đục thân: diện tích nhiễm 245,9ha, trong đó nhiễm nặng 11,7 ha; Bệnh khô

văn: diện tích nhiễm 719,8 ha; trong đó nhiễm nặng khoảng 32,9 ha; Nhện gié: diện tích nhiễm 79 ha, trong đó nhiễm nặng 2 ha.

+ Trên các cây trồng khác, sâu bệnh phát sinh gây hại cục bộ, ở mức độ nhẹ.

1.3. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại vụ Đông 2026

Vụ Đông 2026 được nhận định là vụ đông ẩm. Do đó, trong điều kiện thời tiết ẩm, ẩm, nhiều thời điểm âm u sẽ gia tăng nguy cơ phát triển gây hại các loại sâu, bệnh phát sinh gây hại cao trên các cây trồng vụ Đông. Lưu ý một số sinh vật có nguy cơ phát sinh gây hại cao như: Chuột hại, các loại sâu ăn lá, bệnh hại có nguồn gốc trong đất, ...

1.4. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2026

1.4.1. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến xã, phường quan tâm vào cuộc đề tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp sẽ mở rộng không gian phát triển tạo điều kiện cho cấp xã chủ động trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai dịch hại thực vật, cơ giới hóa, sơ chế bảo quản sản phẩm, liên kết sản xuất, ứng dụng KH-CN vào sản xuất, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm, ... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất.

- Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với từng loại cây trồng tạo tiền đề để thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm ổn định cho người dân.

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Nghệ An, vụ Đông 2026 có nền nhiệt độ phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5 độ C so với TBNN cùng thời kỳ. Đây là lợi thế để các cây trồng vụ Đông sinh trưởng và phát triển thuận lợi.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả sẽ thúc đẩy sản xuất và nâng cao giá trị nông sản.

- Tính đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh hiện có 734 HTX nông nghiệp; trong đó có 500 HTX hoạt động hiệu quả chiếm 68,12% số HTX nông nghiệp toàn tỉnh; có 101 HTX có ứng dụng công nghệ cao; 88 HTX có sản phẩm đạt hạng sao OCOP và có 280 hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chiếm 38,15% (cao hơn bình quân chung cả nước 20%). Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng và các mô hình liên

kết sản xuất (ngô sinh khối, rau, khoai tây, ...) đã được khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, né tránh thiên tai hạn chế thiệt hại.

1.4.2. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nghệ An, từ tháng 8 - 12/2026 có khoảng 02 - 04 cơn bão/ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An. Lượng mưa các tháng từ 8 và 11-12/2026 phổ biến cao hơn 10-30 % so với TBNN. Hiện tượng mưa vừa, mưa to tập trung trong các tháng 8-10. Đây là thời gian trùng với thời điểm đầu và giữa vụ gieo trồng. Do đó, nguy cơ cao gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến diện tích sản xuất và sản lượng các cây trồng vụ Đông, nhất là trên đất lúa.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu nhất là những nơi có điều kiện phát triển công nghiệp, chất lượng nhân lực thấp do già hóa, trong khi cơ giới hoá khâu làm đất trên các cây trồng vụ đông còn hạn chế sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch, tiến độ cũng như áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân bón được dự báo vẫn duy trì ở mức cao trong khi giá cả nông sản thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất của nông dân.

- Nguy cơ chuột, sâu keo mùa thu và các đối tượng cào cào, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang, ... tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vào mùa mưa lũ vẫn chưa đảm bảo khả năng tiêu thoát nước kịp thời, ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng vụ Đông.

- Đất sản xuất vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, không tập trung dẫn đến khó khăn trong việc đầu tư, liên kết và cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất.

- Công tác kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và các cây trồng vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

- Tập trung chỉ đạo phân đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra về diện tích, năng suất, sản lượng với phương châm sản xuất an toàn, hiệu quả; xác định vụ Đông 2026 là vụ sản xuất chính và tiền đề để góp phần đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng năm 2027. Đồng thời, phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, mở rộng diện tích các cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao, diện tích ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy

xuất nguồn gốc như VietGAP, hữu cơ, ... để góp phần quan trọng vào hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng trồng trọt năm 2027 và nâng cao giá trị sản xuất.

- Xây dựng vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, đồng thời kết nối các hộ sản xuất thành các tổ hợp tác, HTX để thực hiện liên kết giữa nông dân với các tổ chức, doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm, nhằm nâng cao giá trị nông sản, kích thích sản xuất.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 31.291 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau các loại, khoai lang, khoai tây). Trong đó, diện tích trên đất bãi ven sông khoảng 5.117 ha, diện tích đất màu ven biển khoảng 1.584 ha, diện tích trên đất lúa 2.230 ha, diện tích trên đất màu đồng, màu đồi khoảng 22.192 ha và 168 ha diện tích trên đất nương rẫy. Mục tiêu phân đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	27.588		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>1.054</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	15.460	50,0	77.300
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	2.128	390,0	82.992
2	Cây lạc	1.115	28,0	3.122
3	Rau các loại	11.170	148,0	165.316
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa</i>	<i>894</i>	<i>148,0</i>	<i>13.231</i>
4	Khoai lang	1.220	78,0	9.516
	<i>Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất lúa</i>	<i>281</i>	<i>78,0</i>	<i>2.192</i>
5	Khoai tây	198	220,0	4.356
	<i>Trong đó: Diện tích khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm</i>	<i>132</i>	<i>220,0</i>	<i>2.904</i>

(Chỉ tiêu cụ thể cho xã, phường ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào lợi thế từng vùng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng sát với tình hình thực tế, bố trí các vùng sản xuất an toàn gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất lúa: Bố trí sản xuất trên những vùng chủ động tưới tiêu, thoát nước tốt. Đồng thời ưu tiên lựa chọn các loại cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn để đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau.

- Trên đất bãi ven sông, ven biển cần hình thành vùng sản xuất tập trung để phát triển những loại rau lấy củ, quả cho hiệu quả kinh tế cao như bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, cà rốt, khoai tây, ngô ngọt, ... để nâng cao giá trị sản xuất. Đồng thời, mở rộng diện tích phải kết hợp với liên kết bao tiêu sản phẩm để đảm bảo đầu ra ổn định cho người dân.

- Với những vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ, quả, cần tập trung chỉ đạo, tuyên truyền để thúc đẩy mở rộng diện tích các loại rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ... để nâng cao chất lượng và giá trị nông sản.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

a) Thời vụ

*** Cây ngô**

- Trên đất 2 lúa

+ Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để chủ động tưới tiêu và thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất.

+ Tiến hành làm đất và gieo trồng ngô sau khi thu hoạch lúa Hè thu và phải căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống, mục đích trồng (*ngô lấy hạt, ngô sinh khối hay ngô thu hoạch bắp tươi*) để bố trí thời vụ thích hợp nhằm đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau; kết thúc gieo trồng trước 30/9.

- Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 05/10.

- Trên vùng đất màu bãi ven sông: Căn cứ vào thực tế tại địa phương và tình hình thời tiết hết mưa lụt mới tiến hành gieo trồng. Đồng thời lựa chọn giống có thời gian sinh trưởng thích hợp để không ảnh hưởng đến thời vụ của vụ kế tiếp.

*** Cây lạc:** Kết thúc gieo trồng trước ngày 20/9.

*** Cây rau các loại:** Vụ Đông 2026 được dự báo là vụ đông ấm, nhiệt độ nhiệt độ phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 0.5-1.5 độ C. Do đó, sử dụng các cây trồng vụ Đông ưa ấm như bí đỏ, bí xanh, cà tím, dưa chuột, ... để gieo trồng sớm và tăng diện tích; đối với cây trồng ưa lạnh như bắp cải, xu hào, súp lơ, có thể lùi thời gian gieo trồng, không nên gieo trồng sớm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng nông sản.

- Trên đất 2 lúa, căn cứ vào thời gian thu hoạch lúa Hè thu, thời gian sinh trưởng của từng loại rau và tình hình thời tiết để gieo trồng sao cho thu hoạch trước

ngày 05/01/2026 để không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên trồng các loại rau có giá trị như bầu bí, dưa chuột, mướp đắng, cà chua,

- Trên những diện tích đất màu, tùy từng loại cây như rau ăn lá, rau lấy củ, rau lấy quả, ... có thể trồng từ đầu tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ.

* *Cây Khoai lang*: Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 15/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

* *Cây khoai tây*: Trồng từ ngày 01-10/11.

* *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt giống cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch 2026 đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch năm 2027.

b) Cơ cấu giống

*** Cây ngô**

- Căn cứ vào đặc điểm vùng sản xuất, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 04 - 06 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh. Đối với sâu keo mùa thu trên cây ngô, ưu tiên sử dụng những giống ngô chuyển gen nhằm hạn chế gây hại của sâu keo mùa thu.

- Cơ cấu các giống cụ thể chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo.

- Đối với các diện tích ngô trên đất 2 lúa và đất bãi ven sông suối dễ xảy ra ngập lụt: Ưu tiên sử dụng các giống ngô lấy bắp ăn tươi, giống ngô có thời gian sinh trưởng ngắn hoặc trồng ngô sinh khối để giảm áp lực thời vụ.

* *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, sen lai 75/23, TK10, L20,...

* *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC-266, KL20-209, K4,...

* *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Atlantic, Marabel, Diamant, Solara,...(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng),...

* *Các loại rau*: căn cứ vào tình hình thời tiết, điều kiện từng vùng, quy trình kỹ thuật, các mô hình đã được xây dựng và đánh giá có hiệu quả, nhu cầu thị trường ... để lựa chọn các giống rau thích hợp. Có thể sử dụng các giống rau như:

- Rau lấy lá, hoa:

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Vân, ...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa, ...

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, ...

- Rau lấy củ:

+ *Cà rốt*: Takii 103, Takii 108, Takii 444, TN 425,...

+ *Su hào*: B52, B40, Winner, ...

- Rau lấy quả:

- + *Bí xanh*: Bí xanh số 1, Ruby 456, Nova 209, An Điền 686, Green 558,...
- + *Cà chua*: Savior, Tre việt số 10, To 338, ...
- + *Dưa chuột*: GM 222, Cu 46, Maya, Kichi 207,...
- + *Ớt cay*: Amplehot 50, B41,

(Chi tiết danh mục giống và thời gian sinh trưởng tại phụ lục 04)

3.2.2. Sử dụng phân bón

Bón phân đủ lượng và tập trung theo yêu cầu của từng loại cây trồng để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống.

- Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... để giảm phân bón hóa học, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu tốt với điều kiện bất thuận, vừa giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn với môi trường và sức khỏe con người.

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối. Lựa chọn thời điểm bón phân tùy theo điều kiện thời tiết, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây để giảm thất thoát phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng.

3.2.3. Công tác Bảo vệ thực vật

- Vụ Đông 2026 được dự báo là vụ đông ẩm sẽ tạo điều kiện cho sâu bệnh hại phát sinh gây hại. Do đó, cần tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng vụ Đông trong đó cần đặc biệt chú ý các đối tượng sâu, bệnh hại chính như: Chuột, châu chấu, sâu keo mùa thu hại ngô; bọ trĩ, sâu xanh, sâu tơ, rệp các loại, bệnh sương mai, mốc sương, thán thư, đốm lá, héo xanh vi khuẩn, ... hại rau màu.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ, nâng cao chất lượng nông sản, giảm tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, trong đất.

3.2.4. Công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Xây dựng phương án chủ động ứng phó khi xảy ra mưa lớn, lũ gây ngập úng đối với cây trồng vụ Đông; nâng cấp hệ thống thủy lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

3.3. Ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; xây dựng các mô hình kinh tế vườn tuần hoàn thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên rau, củ, quả các loại, ... xây dựng các mô hình kinh tế vườn tuần hoàn thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các cơ chế, chính sách để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì và phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân biết và thực hiện.

3.4. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Chú trọng các loại cây có thời gian bảo quản dài, có thể cung cấp nguyên liệu cho chế biến như: bí xanh, bí đỏ, khoai tây, đậu tương rau,...

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

3.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

3.6. Giải pháp cơ chế chính sách

Tuyên truyền và thực hiện đầy đủ các chính sách của UBND tỉnh cho tổ chức, cá nhân, gồm:

- Chính sách hỗ trợ cây trồng vụ Đông; giống chè, mía, cam; máy nông nghiệp; hỗ trợ tập trung ruộng đất; chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn; ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật để khôi phục sản xuất theo Nghị định 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 05/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

Ngoài các chính sách của tỉnh đề nghị UBND các xã, phường cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông 2026. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo quy định hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

4.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật

- Phối hợp với UBND các xã, phường tuyên truyền, kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Đài khí tượng thủy văn Nghệ An để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình mưa bão, đông lạnh và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tham mưu xây dựng, đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục thiệt hại đối với những tình huống thời tiết bất thuận như bão, mưa lụt, dịch bệnh cây trồng, ... để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Đông 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương để hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình thực hành nông nghiệp tốt, như: VietGAP, hữu cơ,... đồng thời, triển khai xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vùng trồng tạo ra nông sản an toàn, đảm bảo chất lượng phục vụ chế biến và đủ điều kiện xuất khẩu.

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Đông để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền các xã, phường và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các trạng mạng xã hội chính thống để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

4.2.2. Chi cục Thủy lợi

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực và kết hợp với diệt chuột.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với UBND các xã, phường, đơn vị liên quan xây dựng phương án tiêu, thoát nước kịp thời cho cây trồng vụ Đông khi có mưa, bão lớn gây ngập lụt nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa, bão gây ra.

- Đôn đốc để các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương để vận hành tốt trong mùa mưa bão sắp tới, phục vụ sản xuất vụ Đông kịp thời.

4.2.3. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với chính quyền cấp xã để triển khai thực hiện đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Đông; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Đông và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Chỉ cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Tập trung quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp xã và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.2.5. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

4.2.6. Trung tâm Giống Nông nghiệp

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, hậu kiểm giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về thời gian sinh trưởng, tiềm năng năng suất của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường qua (Phòng Quản lý kỹ thuật và KHCN).

4.2.7. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2026.

4.3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Kế hoạch sản xuất phải thể hiện sự phấn đấu cao, tổ chức chỉ đạo phải tích cực, quyết liệt và đề ra các giải pháp kỹ thuật sát đúng với thực tế sản xuất của địa phương để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng đề ra.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo sản xuất ở địa phương như sau:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, sát sao để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo xây dựng vùng sản xuất tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước nhất là diện tích ngô, rau trên đất lúa để tăng diện tích.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất để tổ chức chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2026 kịp thời, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông tập trung, ngay từ đầu vụ kết hợp với toàn dân ra quân làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão. Xây dựng phương án tiêu úng, thoát nước khi có mưa to, bão lụt xảy ra, thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường phương án xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 34/2025/NQ-HDND ngày 12/12/2025 và nhu cầu sản xuất của người dân để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ người dân trong sản xuất cây trồng vụ Đông kịp thời, hiệu quả nhằm khuyến khích phát triển sản xuất.

- Ngoài ra, tùy thuộc vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các quy trình sản xuất an toàn, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh.

c) Chủ động, tích cực và có cơ chế để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của địa phương.

e) Thường xuyên cập nhật, báo cáo tình hình sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo quy định.

4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất

lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với địa phương và người nông dân để xác định quy mô sản xuất, cơ cấu cây trồng phù hợp, thời vụ gieo trồng và các yếu tố kỹ thuật khác để đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Đông năm 2026 là vụ sản xuất sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiên tai (bão, mưa lụt) và các loại dịch hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: chuột, sâu keo mùa thu, ... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Đông năm 2026 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo sản xuất thắng lợi.

2. Chỉ đạo các ngành, các cấp, các đơn vị chuyên môn và địa phương:

- Tập trung chỉ đạo, triển khai tổ chức sản xuất và triển khai các chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân đầu tư sản xuất để sản xuất vụ Đông 2026 đạt kết quả cao nhất.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ nguồn lực để tập trung phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng đảm bảo đủ điều kiện xuất khẩu, từng bước xây dựng các vùng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn sẵn sàng phục vụ chế biến, nội tiêu và xuất khẩu.

3. Chỉ đạo Sở Công thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các Công ty Thủy điện trên địa bàn tỉnh điều tiết xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất và cắt lũ cho vùng hạ du khi mưa lớn gây ngập lụt.

- Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, từng bước mở rộng thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng

Báo và Đài phát thanh - truyền hình Nghệ An, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật trong vụ Đông 2026. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, sự quan tâm chỉ đạo thực hiện của các xã, phường và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Đông 2026 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường (để chỉ đạo);
- UBND các xã, phường (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NNMT (để thực hiện);
- Website Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Việt

Phụ lục 01: KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2025

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Chỉ tiêu	Vụ Đông 2024	Vụ Đông 2025	So sánh 2025/2024		Kết quả vụ Đông 2025 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây Ngô						
	Tổng diện tích gieo trồng (ha)	17.548,76	15.133,80	-2.414,96	86,24	-3.866,20	79,65
	Tổng diện tích thu hoạch (ha)	17.548,76	15.133,80	-2.414,96	86,24	-3.866,20	79,65
1.1	- Diện tích gieo trồng ngô lấy hạt (ha)	15.986,98	14.064,21	-1.922,77	87,97	-1.435,79	90,74
	- Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt	15.986,98	14.064,21	-1.922,77	87,97	-1.435,79	90,74
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	49,38	53,91	4,53	109,17	4,91	110,02
	- Sản lượng (tấn)	78.948,85	75.825,13	-3.123,72	96,04	-124,87	99,84
1.2	- Diện tích gieo trồng ngô sinh khối (ha)	1.561,78	1.464,86	-96,92	93,79	-2.035,14	41,85
	- Diện tích ngô sinh khối thu hoạch (ha)	1.561,78	1.464,86	-96,92	93,79	-2.035,14	41,85
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	349,34	402,55	53,21	115,23	52,55	115,01
	- Sản lượng (tấn)	54.559,89	58.968,67	4.408,78	108,08	-63.531,33	48,14
2	Cây Lạc						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	898,11	1.069,59	171,48	119,09	19,59	101,87
	- Diện tích thu hoạch (ha)	898,11	1.069,59	171,48	119,09	19,59	101,87
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	26,49	28,85	2,36	108,91	2,35	108,87
	- Sản lượng (tấn)	2.379,30	3.085,70	706,40	129,69	302,70	110,88
3	Cây Rau các loại						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	12.515,78	11.959,96	-555,82	95,56	-190,04	98,44
	- Diện tích thu hoạch (ha)	12.515,78	11.958,76	-557,02	95,55	-191,24	98,43
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	142,06	149,53	7,47	105,26	9,53	106,81
	- Sản lượng (tấn)	177.804,65	178.820,15	1.015,50	100,57	8.720,15	105,13
4	Cây Khoai lang						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.233,13	1.251,77	18,64	101,51	1,77	100,14
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.233,13	1.251,77	18,64	101,51	1,77	100,14
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	75,11	79,32	4,21	105,61	4,32	105,76
	- Sản lượng (tấn)	9.261,86	9.928,63	666,77	107,20	553,63	105,91
5	Cây Khoai tây						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	119,5	107,66	-11,84	90,09	-68,34	61,52
	- Diện tích thu hoạch (ha)	119,5	107,66	-11,84	90,09	-68,34	61,52
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	210,2	220,59	10,39	104,94	20,59	110,30
	- Sản lượng (tấn)	2.511,89	2.374,85	-137,04	94,54	-1.145,15	67,47

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2026 CỦA CÁC XÃ/PHƯỜNG

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Toàn tỉnh	Tổng diện tích Kế hoạch sản xuất các cây trồng vụ Đông năm 2026	Cây Ngô				Cây Lạc (ha)	Cây rau các loại		Cây Khoai lang		Cây khoai tây	
			Tổng Kế hoạch diện tích (ha)	Trong đó		Diện tích ngô trên đất lúa (ha)		Tổng diện tích	Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa (ha)	Tổng diện tích	Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất lúa (ha)	Tổng diện tích	Trong đó: Diện tích Khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm
				Diện tích ngô lấy hạt	Diện tích ngô sinh khối								
		31.291,0	17.588,0	15.460,0	2.128,0	1.054,0	1.115,0	11.170,0	894,0	1.220,0	281,0	198,0	132,0
1	Xã Anh Sơn	586	480	440	40	80	0	100	0	6	0	0	0
2	Xã Yên Xuân	206	160	160	0	0	0	44	0	2	0	0	0
3	Xã Nhân Hòa	703	550	400	150	18	0	150	0	3	0	0	0
4	Xã Anh Sơn Đông	377	344	324	20	87	0	33	0	0	0	0	0
5	Xã Vĩnh Tường	460	420	350	70	120	10	30	0	0	0	0	0
6	Xã Thành Bình Thọ	160	135	90	45	0	0	25	0	0	0	0	0
7	Xã Con Cuông	240	183	183	0	0	0	57	0	0	0	0	0
8	Xã Môn Sơn	296	224	224	0	0	0	72	0	0	0	0	0
9	Xã Mậu Thạch	70	50	50	0	0	0	20	0	0	0	0	0
10	Xã Cam Phục	73	51	51	0	15	0	22	0	0	0	0	0
11	Xã Châu Khê	79	41	41	0	16	5	25	0	8	0	0	0
12	Xã Bình Chuẩn	16	8	8	0	0	0	8	0	0	0	0	0
13	Xã Diễn Châu	335	117	117	0	0	108	97	0	1	0	12	0

14	Xã Đức Châu	283	95	95	0	0	10	146	0	2	0	30	30
15	Xã Quảng Châu	80	5	5	0	5		75	50	0	0	0	0
16	Xã Hải Châu	750	296	256	40	35	102	60	12	258	22	34	18
17	Xã Tân Châu	186	80	80	0	0	20	81	0	5	20	0	0
18	Xã An Châu	1085	630	580	50	5	269	59	12	35	15	92	80
19	Xã Minh Châu	100	20	20	0	0	15	60	0	5	0	0	0
20	Xã Hùng Châu	351	180	170	10	0	10	155	0	6	0	0	0
21	Xã Đô Lương	197	129	117	12	15	3	60	20	5	5	0	0
22	Xã Bạch Ngọc	301	244	244	0	20	0	38	8	19	9	0	0
23	Xã Văn Hiến	60	20	20	0	10	0	35	10	5	0	0	0
24	Xã Bạch Hà	637	478	470	8	40	23	124	10	12	0	0	0
25	Xã Thuần Trung	258	184	160	24	2	2	66	8	6	2	0	0
26	Xã Lương Sơn	116	85	85	0	6	0	29	3	2	0	0	0
27	Phường Hoàng Mai	262	107	107	0	2	0	137	0	18	0	0	0
28	Phường Tân Mai	119	32	32	0	0	5	70	0	12	0	0	0
29	Phường Quỳnh Mai	615	137	137	0	0	20	416	0	28	0	14	0
30	Xã Hưng Nguyên	205	5	5	0	0	0	200	0	0	0	0	0
31	Xã Yên Trung	185	80	80	0	0	0	100	0	5	0	0	0
32	Xã Hưng Nguyên Nam	205	80	60	20	0	0	125	10	0	0	0	0
33	Xã Lam Thành	177	60	60	0	0	0	112	0	5	0	0	0
34	Xã Mường Xén	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Xã Hữu Kiem	11	0	0	0	0	5	6	0	0	0	0	0
36	Xã Nậm Cấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Xã Chiêu Lưu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Xã Na Loi	5	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0

39	Xã Mường Típ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Xã Na Ngoi	5	0	0	0	0	1	2	2	2	2	0	0
41	Xã Mỹ Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Xã Bắc Lý	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
43	Xã Keng Đu	18	10	10	0	0	3	5	5	0	0	0	0
44	Xã Huồi Tụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Xã Mường Lống	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
46	Xã Vạn An	1035	567	487	80	20	22	376	96	70	15	0	0
47	Xã Nam Đàn	548	288	288	0	67	10	222	0	28	0	0	0
48	Xã Đại Huệ	440	163	163	0	75	0	271	0	6	0	0	0
49	Xã Thiên Nhẫn	861	515	415	100	0	3	325	0	18	0	0	0
50	Xã Kim Liên	849	698	504	194	0	50	69	0	22	0	10	0
51	Xã Nghĩa Đàn	106	80	55	25	0	0	23	0	3	0	0	0
52	Xã Nghĩa Thọ	255	155	110	45	0	0	95	0	5	5	0	0
53	Xã Nghĩa Lâm	260	150	120	30	0	0	110	60	0	0	0	0
54	Xã Nghĩa Mai	125	50	35	15	0	0	70	0	5	5	0	0
55	Xã Nghĩa Hưng	205	150	90	60	0	5	30	10	20	0	0	0
56	Xã Nghĩa Khánh	135	55	40	15	0	0	75	0	5	5	0	0
57	Xã Nghĩa Lộc	67	32	32	0	0	2	24	0	9	0	0	0
58	Xã Nghi Lộc	110	50	50	0	0	10	50	0	0	0	0	0
59	Xã Phúc Lộc	126	46	46	0	0	5	75	0	0	0	0	0
60	Xã Đông Lộc	87	32	32	0	0	10	45	0	0	0	0	0
61	Xã Trung Lộc	272	88	88	0	0	16	160	0	8	0	0	0
62	Xã Thần Lĩnh	172	133	133	0	0	6	33	0	0	0	0	0
63	Xã Hải Lộc	64	36	36	0	0	7	21	0	0	0	0	0

64	Xã Văn Kiêu	439	222	222	0	0	40	177	0	0	0	0	0
65	Xã Quế Phong	110	35	35	0	0	0	70	0	5	0	0	0
66	Xã Tiên Phong	88	15	15	0	0	8	44	0	21	0	0	0
67	Xã Tri Lễ	82	0	0	0	0	0	70	0	12	0	0	0
68	Xã Mường Quàng	59	9	9	0	0	0	50	0	0	0	0	0
69	Xã Thông Thụ	70	35	35	0	0	7	28	0	0	0	0	0
70	Xã Quỳnh Châu	142	65	65	0	5	2	75	0	0	0	0	0
71	Xã Châu Tiến	237	15	15	0	0	12	210	0	0	0	0	0
72	Xã Hùng Chân	103	42	0	42	0	6	49	0	6	0	0	0
73	Xã Châu Bình	110	60	60	0	0	2	45	0	3	0	0	0
74	Xã Quỳnh Hợp	420	250	210	40	94	0	150	33	20	16	0	0
75	Xã Tam Hợp	260	150	100	50	30	0	80	0	30	0	0	0
76	Xã Châu Lộc	63	25	25	0	10	0	35	0	3	0	0	0
77	Xã Châu Hồng	49	16	16	0	0	0	33	0	0	0	0	0
78	Xã Mường Ham	207	147	117	30	115	0	40	18	20	15	0	0
79	Xã Mường Chộng	78	35	35	0	5	0	35	0	8	8	0	0
80	Xã Minh Hợp	455	350	350	0	0	42	63	0	0	0	0	0
81	Xã Quỳnh Lưu	156	20	20	0	10	11	110	12	15	5	0	0
82	Xã Quỳnh Văn	274	97	97	0	5	2	155	10	20	0	0	0
83	Xã Quỳnh Anh	886	59	59	0	5	43	703	13	81	60	0	0
84	Xã Quỳnh Tam	534	141	141	0	20	0	383	150	10	2	0	0
85	Xã Quỳnh Phú	570	200	200	0	0	45	287	0	38	0	0	0
86	Xã Quỳnh Sơn	211	75	75	0	0	1	125	10	10	0	0	0
87	Xã Quỳnh Thắng	239	95	70	25	25	8	125	15	11	0	0	0
88	Xã Tân Kỳ	602	514	340	174	0	25	61	0	2	0	0	0

89	Xã Tân Phú	892	680	433	247	0	0	200	0	12	0	0	0
90	Xã Tân An	235	105	105	0	0	0	130	0	0	0	0	0
91	Xã Nghĩa Đồng	478	350	220	130	0	0	121	0	7	0	0	0
92	Xã Giai Xuân	35	20	0	20	0	0	15	0	0	0	0	0
93	Xã Nghĩa Hành	278	158	150	8	0	0	120	15	0	0	0	0
94	Xã Tiên Đồng	113	46	30	16	0	0	67	0	0	0	0	0
95	Phường Thái Hòa	83	55	55	0	0	3	25	0	0	0	0	0
96	Phường Tây Hiếu	120	80	60	20	0	0	40	0	0	0	0	0
97	Xã Đông Hiếu	288	140	95	45	0	4	137	30	7	0	0	0
98	Xã Cát Ngạn	490	410	410	0	0	0	80	0	0	0	0	0
99	Xã Tam Đồng	364	260	260	0	0	0	97	97	7	7	0	0
100	Xã Hạnh Lâm	135	113	113	0	0	0	22	0	0	0	0	0
101	Xã Sơn Lâm	55	25	25	0	0	0	30	0	0	0	0	0
102	Xã Hoa Quân	340	240	240	0	0	0	80	0	20	0	0	0
103	Xã Kim Bảng	423	295	295	0	7	0	112	0	16	2	0	0
104	Xã Bích Hào	576	450	360	90	0	5	100	0	21	0	0	0
105	Xã Đại Đồng	615	400	350	50	30	0	165	60	50	40	0	0
106	Xã Xuân Lâm	805	733	718	15	0	0	55	0	15	0	2	2
107	Xã Tam Quang	158	81	81	0	0	3	73	0	1	0	0	0
108	Xã Tam Thái	61	30	30	0	0	2	29	0	0	0	0	0
109	Xã Tương Dương	135	60	60	0	0	3	70	0	2	0	0	0
110	Xã Lượng Minh	89	42	42	0	0	0	45	10	2	0	0	0
111	Xã Yên Na	56	22	22	0	5	2	30	4	2	0	0	0
112	Xã Yên Hòa	82	37	37	0	4	2	40	5	3	1	0	0
113	Xã Nga My	86	43	43	0	0	5	36	2	2	2	0	0

114	Xã Hữu Khuông	65	45	45	0	0	0	20	4	0	0	0	0
115	Xã Nhôn Mai	86	43	43	0	0	4	39	0	0	0	0	0
116	Phường Trường Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
117	Phường Thành Vinh	13	2	2	0	0	0	11	0	0	0	0	0
118	Phường Vinh Hưng	162	60	60	0		12	90	0	0	0	0	0
119	Phường Vinh Phú	110	30	30	0	0	0	80	0	0	0	0	0
120	Phường Vinh Lộc	121	55	55	0	0	20,5	22	0	23,5	0	0	0
121	Phường Cửa Lò	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
122	Xã Yên Thành	29	3	3	0	0	0	26	16	0	0	0	0
123	Xã Quan Thành	223	60	60	0	0	3	153	9	5	5	2	2
124	Xã Hợp Minh	258	82	77	5	2	5	165	5	6	0	0	0
125	Xã Vân Tụ	186	57	57	0	9	0	129	13	0	0	0	0
126	Xã Vân Du	375	226	180	46	0	7,5	130	28	11,5	5	0	0
127	Xã Quang Đồng	241	155	145	10	15	4	75	0	7	0	0	0
128	Xã Giai Lạc	250	127	115	12	10	12	100	12	9	6	2	0
129	Xã Bình Minh	179	73	73	0	8	7	72	0	27	2	0	0
130	Xã Đông Thành	22	15	15	0	2	0	7	7	0	0	0	0

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày / 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	Giống có diện tích lớn và có tiềm năng			
1	NK7328Bt/GT	120 - 125	55-60	Ngô biến đổi gen, Có sinh khối lớn
2	NK4300Bt/GT	115 - 120	55-60	Ngô biến đổi gen
3	DK6919 S	105 - 110	55-60	Ngô biến đổi gen
4	CP511	110 - 115	55-60	Ngô lấy hạt
5	CP511S	110 - 115	55-60	Ngô biến đổi gen
6	HN68	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	TBM 18	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
I	Ngô lấy hạt			
1	NK7328	120 - 125	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
2	NK6275	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
3	CP111	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
4	CP512	110 - 115	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
5	PAC339	110 - 115	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
6	PAC789	110 - 115	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
7	LVN14	107 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
8	VS36	105 - 110	55-60	
9	SSC557	100 - 110	55-60	
II	Ngô chuyển gen			
1	PAC999 Super S	120 - 125	55-60	Ngô biến đổi gen
2	PAC339S	110 - 115	50-55	Ngô biến đổi gen

3	NK6101BGT	110 - 115	55-60	Ngô biến đổi gen
4	NK66Bt/GT	110 - 115	55-60	Ngô biến đổi gen
5	NK67Bt/GT	115 - 120	55-60	Ngô biến đổi gen
6	8282 S	110 - 115	55-60	Ngô biến đổi gen
7	DK6818S	110 - 115	55-60	Ngô biến đổi gen
8	CP 512S	115 - 120	55-60	Ngô biến đổi gen
9	CP 111S	115 - 120	55-60	Ngô biến đổi gen
III	Ngô có sinh khối			
1	PSC 102	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
2	NK7328	120 - 125	55-60	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
IV	Ngô nếp			
1	HN92	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
2	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	ADI688	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	ADI668	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi

Phụ lục 04: Danh sách các giống lạc, rau, khoai lang, khoai tây đã sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	TGST vụ Đông (ngày)	Ghi chú
I	Giống lạc		
1	L14	105 - 110	
2	L23	100 - 105	
3	L26	95 - 100	
4	Sen lai 75/23	110 - 115	
5	TK10	108 - 110	
6	L20	105 - 110	
II	Giống rau		
1	Bắp cải		
-	KK Cross	80 - 85	
-	Thúy Phong	80 - 90	
2	Súp lơ		
-	Man top	100 - 105	
-	Green Magic	100 - 105	
-	Thanh Hoa	100 - 105	
3	Rau cải		
-	Cải ngọt	40 - 45	
-	Cải bẹ mào gà	30 - 35	
-	Cải bó xôi	45 - 55	
4	Cà rốt		
-	Takii 103	100 - 105	
-	Takii 108	100 - 105	
-	Takii 444	100 - 105	
5	Su hào		
-	B52	30 - 35	
-	B40	35 - 40	
-	Winner	40 - 45	
6	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Bí xanh Ruby 456	75 - 80	
-	Nova 209	75 - 80	
-	An Điền 686	80 - 85	
-	Bí xanh Green 258	85 - 90	
7	Cà chua		
-	Savior	90 - 110	
-	Tre việt số 10	120 - 135	
-	To 338	90 - 100	

8	Dưa chuột		
-	GM 222	80 - 85	
-	Cu 46	80 - 85	
-	Cu 33	80 - 85	
-	Maya	75 - 80	thu trái bao tử
-	Kichi 207	75 - 80	thu trái bao tử
9	Ớt cay	Thời gian cho quả	
-	Amplehot 50	75-80	
-	B41	65-70	
III	Giống khoai lang		
1	KLC-266	100 - 105	
2	KL20-209	110 - 115	
3	K4	105 - 110	
IV	Giống khoai tây		
1	Atlantic	85 - 90	
2	Marabel	85 - 90	
3	Diamant	85 - 90	
4	Solara	80 - 90	